

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay tiếp tục tăng gần 9 điểm và đóng cửa tại mốc 1,687.06 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó Bất động sản tăng mạnh nhất hơn 3%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX, HNX và mua ròng trên sàn UPCOM. Thị trường đang trở lại ngưỡng kháng cự cũ 1,700; SMA20 đóng vai trò ngưỡng kháng cự còn SMA50 đóng vai trò ngưỡng hỗ trợ. Xu hướng ngắn hạn trở nên khó đoán định khi thị trường toàn giao dịch tại các ngưỡng tâm lý và dòng tiền có xu hướng luân chuyển qua các nhóm ngành. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong ngắn hạn, chờ đợi những phiên tích lũy tạo nền trong biên độ hẹp hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.56** điểm, đóng cửa tại 1687.06 điểm. HNX-Index **-1.91** điểm, đóng cửa tại **266.78** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+11.05)**, **VHM (+1.87)**, **LPB (+0.96)**, **VPL (+0.66)**, **VJC (+0.51)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-1.17)**, **CTG (-0.94)**, **VPB (-0.79)**, **FPT (-0.75)**, **VIX (-0.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,805** tỷ đồng, giảm **-18.26%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,620 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.23 điểm. Thị trường có **213** mã tăng, 31 mã tham chiếu, **133** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1289.37** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-263.31 tỷ)**, **VHM (-208.20 tỷ)**, **MSN (-165.00 tỷ)**, **SSI (-129.72 tỷ)**, **TCB (-96.62 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-206.74** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.38%**. Các mã diễn biến tích cực:
KDH (+4.19%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+1.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+1.54%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.14%**. Các mã diễn biến tích cực:
HAH (+6.73%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+5.91%)
CTD (+5.52%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.38%	-0.14%	0.51%	0.77%
1 tuần	-4.11%	-4.81%	-4.52%	-3.78%
1 tháng	-2.77%	-2.94%	3.17%	6.83%
3 tháng	2.19%	2.14%	10.18%	16.56%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,687.06	266.78	111.04
% 1D	0.51%	-0.71%	1.11%
GTKL (tỷ VND)	22,805	1,993	471
%1D	-18.26%	-20.98%	-16.94%
GDNN (tỷ VND)	-1289.37	-206.74	10.87

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	225.86	CTG	-263.31
HDB	175.92	VHM	-208.20
VJC	114.90	MSN	-165.00
HDG	82.85	SSI	-129.72
FRT	51.63	TCB	-96.62

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

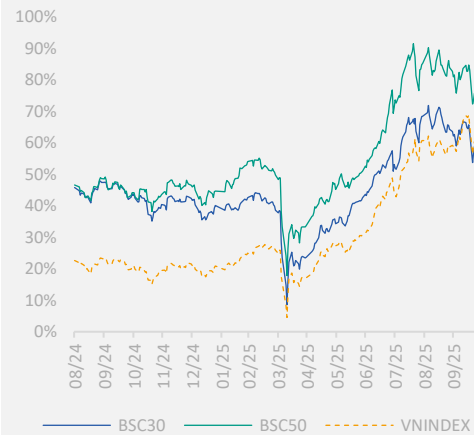
	%D	%W
SPX	-0.53%	0.42%
FTSE100	0.40%	1.24%
Eurostoxx	0.00%	0.19%
Shanghai	0.22%	0.16%
Nikkei	-1.35%	0.81%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.60	4.81%
Giá vàng	4,121	0.29%
Tỷ giá		
USD/VND	26,352	0.00%
EUR/VND	31,350	-0.04%
JPY/VND	177	-0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.00%
LS LNH 1M	5.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

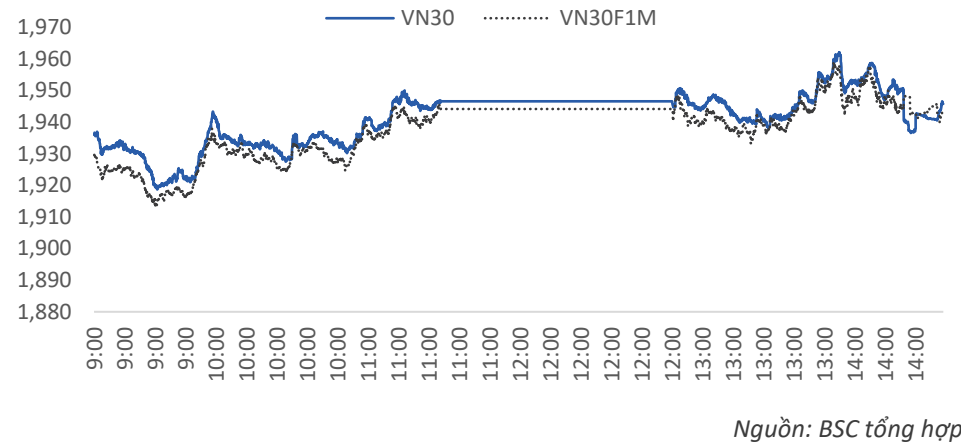
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1943.50	0.91%	365,736	-8.7%	20/11/2025	28
41I1G6000	1928.00	0.94%	64	-40.2%	18/06/2026	238
VN30F2512	1939.00	0.97%	723	-37.2%	18/12/2025	56
41I1G3000	1923.50	0.98%	214	127.66%	19/03/2026	147

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +14.90 điểm, đóng cửa tại 1945.78 điểm. Biên độ dao động 43.43 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, LPB, VPL, VJC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản ghi nhận sụt giảm dưới MA20. Thị trường vẫn đang chờ đợi tín hiệu và tin tức hỗ trợ để xác định xu hướng rõ ràng hơn. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2517	3/12/2025	41	2,100	1.47%	88.89	5,560	39.7%	5.32	116.69	115.00	115.00
CVHM2519	25/05/2026	214	29,700	22.21%	108.20	4,620	32.0%	2.38	140.54	115.00	115.00
CVHM2520	23/07/2026	273	100	24.30%	111.90	6,210	24.4%	3.29	142.95	115.00	115.00
CLPB2501	15/12/2025	53	695,400	1.59%	36.33	3,390	19.4%	3.27	52.12	51.30	51.30
CTPB2507	24/02/2026	124	14,400	33.03%	22.00	840	18.3%	0.17	23.68	17.80	17.80
CVNM2516	3/12/2025	41	11,900	13.36%	61.18	390	18.2%	0.05	64.16	56.60	56.60
CVHM2522	25/06/2026	245	782,700	31.35%	117.69	4,170	17.5%	1.60	151.05	115.00	115.00
CVHM2516	23/06/2026	243	16,200	13.91%	79.00	13,000	16.1%	9.79	131.00	115.00	115.00
CMWG2521	25/03/2026	153	19,300	17.15%	91.00	1,880	16.0%	1.23	100.40	85.70	85.70
CVPB2517	3/12/2025	41	400	9.33%	20.00	3,200	15.9%	2.53	32.80	30.00	30.00
CVIB2510	3/03/2026	131	6,000	22.90%	19.22	1,000	14.9%	0.38	22.74	18.50	18.50
CSTB2528	23/02/2026	123	301,100	4.15%	49.00	2,970	14.7%	3.07	57.91	55.60	55.60
CVHM2518	4/05/2026	193	67,500	11.13%	91.00	4,600	14.1%	3.50	127.80	115.00	115.00
CHDB2504	19/11/2025	27	315,400	2.62%	26.67	1,800	13.9%	1.61	33.87	33.00	33.00
CVPB2509	19/11/2025	27	100	1.14%	22.07	4,250	13.0%	4.11	30.34	30.00	30.00
CVRE2520	23/06/2026	243	1,900	10.79%	32.70	3,650	12.7%	3.04	43.65	39.40	39.40
CVHM2514	15/12/2025	53	1,145,900	1.70%	72.00	8,990	12.4%	8.70	116.95	115.00	115.00
CVRE2511	13/04/2026	172	12,400	11.88%	21.50	11,290	12.3%	9.19	44.08	39.40	39.40
CVHM2510	12/01/2026	81	1,700	2.35%	57.50	15,050	11.9%	14.53	117.70	115.00	115.00
CVIC2514	25/06/2026	245	10,400	11.90%	148.89	9,170	11.8%	7.24	240.59	215.00	215.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 23/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVHM2517 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 39.70%. CVHM2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.42%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CFPT2503, CSSB2509, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	215.00	5.91%	11.05
VHM	115.00	1.77%	1.87
LPB	51.30	2.81%	0.96
VPL	80.60	2.03%	0.66
VJC	184.00	2.11%	0.51

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	37.25	-1.97%	-1.17
CTG	49.70	-1.58%	-0.94
VPB	30.00	-1.48%	-0.79
FPT	95.00	-2.06%	-0.75
VIX	33.10	-4.89%	-0.56

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	215.00	5.91%	11.05	3.88
VHM	115.00	1.77%	1.87	4.11
LPB	51.30	2.81%	0.96	2.99
VPL	80.60	2.03%	0.66	1.79
VJC	184.00	2.11%	0.51	0.59

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	215.00	5.91%	11.05	3.88
VHM	115.00	1.77%	1.87	4.11
LPB	51.30	2.81%	0.96	2.99
VPL	80.60	2.03%	0.66	1.79
VJC	184.00	2.11%	0.51	0.59

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	29.85	6.99%	0.04	0.03
LGC	58.80	6.91%	0.19	0.00
DXV	4.34	6.90%	0.00	0.08
VSC	25.65	6.88%	0.15	10.64
SVD	7.00	6.87%	0.00	0.45

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	130.40	9.95%	0.45	0.01
MKV	11.10	9.90%	0.02	0.02
VCM	11.20	9.80%	0.05	0.04
HOM	5.70	9.62%	0.15	0.44
CTP	8.10	9.46%	0.03	0.52

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	37.25	-1.97%	-1.17	7.09
CTG	49.70	-1.58%	-0.94	5.37
VPB	30.00	-1.48%	-0.79	7.93
FPT	95.00	-2.06%	-0.75	1.70
VIX	33.10	-4.89%	-0.56	1.53

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	37.25	-1.97%	-1.17	7.09
CTG	49.70	-1.58%	-0.94	5.37
VPB	30.00	-1.48%	-0.79	7.93
FPT	95.00	-2.06%	-0.75	1.70
VIX	33.10	-4.89%	-0.56	1.53

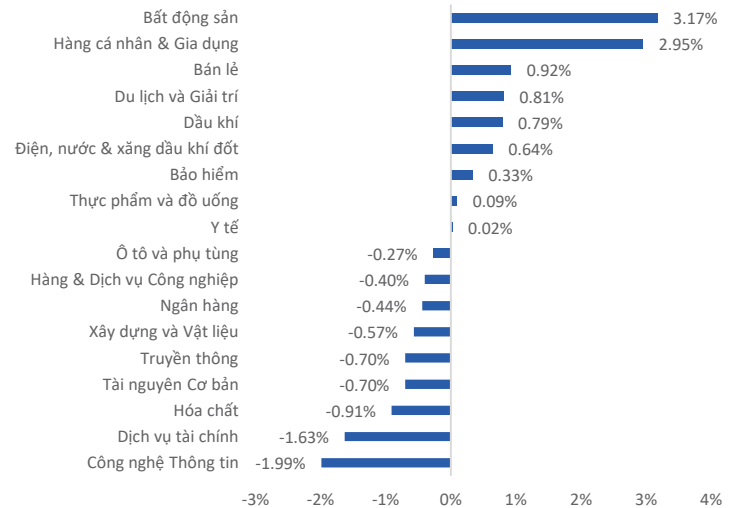
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HT1	18.70	-6.97%	-0.11	1.89
FUEIP100	12.10	-6.85%	0.00	0.00
SVI	46.95	-6.66%	-0.01	0.00
TNC	28.00	-6.51%	-0.01	0.00
HRC	29.05	-5.99%	-0.01	0.00

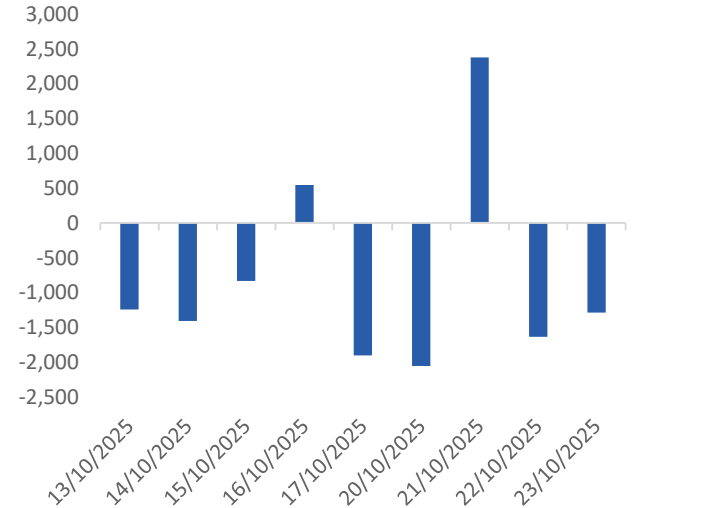
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGD	19.40	-9.77%	-0.03	0.00
PMP	11.50	-9.45%	-0.02	0.00
SDU	16.50	-8.84%	-0.11	0.00
GDW	33.80	-8.65%	-0.10	0.00
KSV	165.00	-8.59%	-10.46	0.10

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.7	1.4%	1.2	126,704	893.1	3,955	21.7	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	33.6	-0.6%	1.5	31,643	140.8	1,835	18.3	46,000	10.6%	Link
KDH	Bất động sản	33.6	4.2%	1.4	37,650	463.6	716	46.9	39,900	26.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.6	-2.7%	1.9	23,124	285.6	177	133.6	28,200	10.3%	Link
VHM	Bất động sản	115.0	1.8%	0.8	472,352	764.1	6,984	16.5	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.0	-2.1%	0.7	161,833	852.1	5,092	18.7	118,700	36.3%	Link
BSR	Dầu khí	27.6	1.1%	0.0	85,574	188.1	(16)		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	30.7	1.3%	1.5	14,674	136.5	2,644	11.6	42,800	10.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.4	-1.4%	1.4	26,351	83.2	1,464	16.7		35.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	37.5	-2.5%	1.5	77,847	925.1	1,564	24.0		35.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.8	-1.9%	1.3	26,592	256.5	1,589	23.2		22.6%	
DCM	Hóa chất	34.2	-0.7%	1.3	18,105	87.5	3,186	10.7	47,300	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	91.0	0.0%	1.2	34,560	114.9	8,175	11.1	109,300	12.2%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	-0.6%	0.9	128,160	268.4	3,385	7.4	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	36.9	-0.8%	1.0	259,088	100.5	3,683	10.0	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	49.7	-1.6%	1.2	266,889	425.8	5,608	8.9	53,500	25.9%	Link
HDB	Ngân hàng	33.0	1.5%	1.2	126,863	1633.3	3,934	8.4	30,800	16.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.2	-1.0%	1.2	202,986	524.9	3,046	8.3	32,000	21.7%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	-0.4%	1.1	38,688	48.8	1,634	7.6	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	55.6	0.4%	1.0	104,818	340.6	6,148	9.0		17.0%	
TCB	Ngân hàng	37.3	-2.0%	1.1	263,962	583.3	3,113	12.0	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.8	-1.9%	1.3	47,027	164.8	2,423	7.3	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	59.8	0.3%	0.9	499,669	267.7	4,148	14.4	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	-0.8%	0.9	62,974	78.0	2,218	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.0	-1.5%	1.3	238,018	478.9	2,603	11.5	35,600	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	-0.8%	1.3	203,400	629.5	1,750	15.1	34,300	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	-0.3%	1.6	10,246	69.8	751	22.0	23,800	6.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.7	0.4%	1.2	9,891	77.2	4,124	6.2	31,700	3.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.2	-1.0%	1.4	113,071	788.0	1,860	42.0	92,700	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.6	0.5%	0.6	118,291	132.3	4,101	13.8	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.0	0.00%	1.4	8,626	26.7	2,215	17.6	20.3%		Link
FRT	Bán lẻ	142.5	-1.32%	0.6	24,268	106.6	3,163	45.1	31.5%		Link
BVH	Bảo hiểm	49.4	0.20%	1.1	36,671	4.3	3,278	15.1	27.0%		
DIG	Bất động sản	21.9	-2.89%	1.6	17,402	320.3	209	104.3	6.2%		
DXG	Bất động sản	20.1	-2.20%	1.6	20,429	247.2	350	57.3	22.5%		Link
HDC	Bất động sản	35.8	-3.50%	1.6	6,385	220.9	3,424	10.5	7.6%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.6	-0.47%	1.6	11,691	162.5	540	58.5	19.5%		Link
IDC	Bất động sản	34.8	-1.97%	1.5	13,207	64.2	3,977	8.8	11.7%		Link
NLG	Bất động sản	37.7	0.53%	1.5	18,292	84.0	1,700	22.2	46.2%		Link
SIP	Bất động sản	53.4	1.91%	1.2	12,929	12.4	5,215	10.2	3.3%		
SZC	Bất động sản	29.8	1.71%	1.3	5,364	16.7	1,763	16.9	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	22.1	-2.22%	1.7	19,154	134.5	1,099	20.1	12.4%		Link
VIC	Bất động sản	215.0	5.91%	0.9	828,398	998.0	3,487	61.7	3.8%		
VRE	Bất động sản	39.4	1.03%	1.1	89,529	446.4	1,937	20.3	14.9%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.6	-2.34%	1.3	7,962	14.5	1,700	22.1	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	34.3	0.00%	0.9	43,518	43.9	1,661	20.6	15.3%		Link
PVD	Dầu khí	20.1	1.52%	1.2	11,173	45.2	1,428	14.1	3.5%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.1	-2.65%	1.3	11,469	29.3	1,262	26.2	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.8	-3.36%	1.7	18,971	112.4	1,674	17.2	5.5%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.8	1.36%	0.9	144,294	33.6	5,002	12.0	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	0.00%	1.3	31,732	41.6	636	21.3	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	0.49%	0.7	33,637	12.3	4,417	14.1	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	184.0	2.11%	0.7	108,856	477.0	3,427	53.7	7.2%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.5	-3.60%	1.8	48,278	827.9	1,736	30.8	9.1%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.3	0.45%	1.2	28,703	175.2	3,822	17.6	42.7%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.7	6.73%	1.0	9,912	347.4	5,700	10.3	5.9%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.4	0.87%	1.1	8,177	22.8	2,306	7.5	8.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	106.3	-5.51%	0.0	12,946	113.2	3,317	32.1	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	92.3	5.25%	1.0	31,488	268.2	6,110	15.1	48.6%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	-0.18%	1.0	3,131	46.7	2,693	10.4	49.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.7	1.63%	1.5	2,407	5.1	2,886	6.5	17.6%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.3	-0.85%	1.2	15,842	38.9	957	24.3	5.3%		Link
GVR	Hóa chất	26.1	-1.51%	1.4	104,400	23.1	1,331	19.6	0.3%		
EIB	Ngân hàng	23.1	-1.28%	1.2	43,029	99.0	1,783	13.0	4.5%		Link
LPB	Ngân hàng	51.3	2.81%	0.4	153,248	147.2	3,469	14.8	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.35%	0.0	24,449	22.1	2,260	6.3	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	12.9	1.18%	0.9	34,353	39.8	1,130	11.4	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-1.24%	1.5	7,116	84.6	666	23.9	5.1%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.3	0.00%	1.3	8,068	51.6	2,829	10.7	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.8	-0.46%	0.5	9,957	30.0	1,981	16.5	3.0%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.5	1.45%	0.6	58,292	36.6	3,185	14.3	58.3%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.7	-1.62%	1.1	12,278	24.7	6,444	8.5	19.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	165.0	-5.17%	0.4	13,507	29.4	14,639	11.3	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	89.8	5.52%	1.3	9,108	372.1	4,565	19.7	48.6%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.0	-1.05%	1.2	9,723	34.4	4,930	17.2	5.3%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.6	0.22%	1.5	4,496	42.2	2,518	17.7	5.7%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.7	-1.01%	1.4	7,287	97.1	1,077	13.6	10.4%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	-1.34%	1.0	7,886	55.8	1,189	18.5	13.3%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.7	-1.35%	1.1	16,582	195.7	1,195	21.5	7.7%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.0	-1.08%	1.5	20,602	24.0	3,090	14.9	4.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>